

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 464/2022/DS-PT  
Ngày 15 - 11 - 2022  
V/v Tranh chấp quyền sử  
dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trung Thành.

*Các Thẩm phán:*

Ông Phạm Minh Tùng

Ông Nguyễn Chí Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53A/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 325/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Đình V, sinh năm 1952 (Có mặt);

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, khu Cầu Xéo, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang cư trú: Tổ 13, ấp N, xã Nh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ Th - sinh năm 1970 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ 13, ấp N, xã Nh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Ông Hoàng Đình V.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn ông Hoàng Đình V trình bày:*

Ông V được cấp quyền sử dụng đất với diện tích 215m<sup>2</sup> (loại đất ở nông thôn) thuộc thửa số 2451, tờ bản đồ số 9, tọa lạc xã Nh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2019 và bắt đầu sử dụng đất cho đến nay. Liên kề với thửa đất

của ông là diện tích đất của bà Nguyễn Thị Lệ Th, trước khi ông tiếp quản và sử dụng đất thì bên phần đất của bà Th có đào một con mương chạy dọc theo ranh với đất của ông với mục đích dẫn nước từ sông vào phần đất ruộng phía sau hậu nên đã làm ảnh hưởng đất, cát của ông V bị sạt lở xuống mương của bà Th với khối lượng khoảng 60m<sup>3</sup> cát và 30m<sup>3</sup> đất.

Diện tích sạt lở dài 20m, ngang 1,6m, sâu 1,6m. Trường hợp gia cố lại thì chi phí ông phải bỏ ra bao gồm tiền mua cừ, tiền công và tiền mua 30m<sup>3</sup> đất giá tiền là 2.500.000đ/m<sup>3</sup> = 75.000.000 đồng. Khối lượng cát trôi xuống mương 02 mùa mưa từ năm 2019 - 2021 là 60m<sup>3</sup> cát, thành tiền hiện nay là 12.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, Ông V tạm tính tổng thiệt hại là 87.000.000 đồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th phải bồi thường thiệt hại cho ông với tổng số tiền là 87.000.000 đồng (tám mươi bảy triệu đồng).

Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2022, ông V thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông cho rằng tài sản của ông bị thiệt hại bao gồm 24m<sup>3</sup> đất và 30m<sup>3</sup> cát, giá đất hiện tại là 2.500.000 đồng/m<sup>3</sup>, giá cát là 200.000 đồng/m<sup>3</sup>, như vậy khối lượng đất ông bị thiệt hại là 60.000.000 đồng, cát là 6.000.000 đồng, ông V xác định lại là tổng giá trị ông bị thiệt hại là 66.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu này, ông cho rằng diện tích con mương là của bà Th nên ông chỉ yêu cầu bà Th phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng). Ngoài ra ông không còn yêu cầu nào khác.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ Th trình bày:*

Bà Th thống nhất với lời trình bày của ông V về việc giữa bà và ông V có diện tích đất liền kề nhau. Giữa phần đất của bà và đất của ông V có một đường nước thuộc quyền sử dụng của bà, đường nước này đã có từ rất lâu đời do gia đình của bà đào với mục đích dẫn nước phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp vì bà còn phần đất ruộng ở phía sau hậu.

Ông V là người từ nơi khác về sinh sống từ năm 2019 đến nay, lúc ông V về cất nhà ở thì con mương này đã hình thành. Từ lúc con mương hình thành đến nay không có hiện tượng sạt lở đất hoặc cát xuống như ông V đã trình bày; do đó, bà Th không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông V.

\* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 53A/2022/DS-ST, ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đình V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ Th bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền là 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng).

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

+ Ông Hoàng Đình V không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp được miễn.

+ Ông Hoàng Đình V phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.500.000 đồng, ông V đã nộp và đã chi xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/8/2022 ông Hoàng Đình V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 53A/2022/DS-ST, ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Ông V yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà Nguyễn Thị Lệ Th bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền là 66.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hoàng Đình V trình bày: Ông V yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Nguyễn Thị Lệ Th bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền là 66.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Lệ Th trình bày: Bà không đồng ý đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Đình V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Hoàng Đình V đúng về hình thức, nội dung, nộp đúng hạn luật định nên kháng cáo của ông được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Đình V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ Th bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền là 66.000.000 đồng.

Ông Hoàng Đình V và bà Nguyễn Thị Lệ Th thừa nhận liền kề với đất của ông V là đất của bà Th có con mương hình thành từ trước khi ông V về đây sinh sống, con mương này thuộc quyền sử dụng đất của bà Th do bên phía bà Th đào để dẫn nước từ sông vào phần đất ruộng của bà Th nằm ở phía sau hậu trên 40 năm. Khi ông về cất nhà ở thì đã thỏa thuận với bà Th đặt ống bọng để lấp phần mương phía ngoài không cho sụp lún nền nhà của ông, phần mương phía sau thì bà Th vẫn sử dụng bình thường cho đến nay. Hiện nay ranh giữa đất của ông và bà Th không thay đổi, ông V thống nhất không có tranh chấp ranh với bà Th. Tuy nhiên, ông V cho rằng khi bà Th kê kè vét mương, đốn hạ cây còng và mỗi khi vào mùa mưa làm sạt lở đất, cát của ông V xuống mương của bà Th. Bà Th và chồng bà Th lấy đất, cát của ông dưới mương để tuông ra sông. Hội đồng xét xử xét thấy, vị trí phần đất bị sạt lở nằm sát ranh với đất của bà Th nằm trên phần bờ liếp của ông V có diện tích ngang 1,2m, dài 20m, cao 1,6m, ông V yêu

cầu bà Th bồi thường thiệt hại do con mương làm sạt lở đất, cát của ông là 24m<sup>3</sup> đất giá là 2.500.000đ/m<sup>3</sup> và 30m<sup>3</sup> cát giá là 200.000đồng/m<sup>3</sup>. Ông V yêu cầu bà Th bồi thường cho ông tổng số tiền là 66.000.000đồng nhưng không được bị đơn thừa nhận, bà Th cho rằng hiện trạng con mương từ trước đến nay không thay đổi và từ khi ông V về ở giáp với đất bà cho đến nay ông V cũng không đặt vấn đề yêu cầu bà bồi thường thiệt hại. Hơn nữa, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, hiện trạng đất phần bờ liếp ông V cho rằng bị sạt lở về hình thể tương đồng với bờ đất bà Th, từ mé mương (bên phía ông V) trở lên 1,2m là hàng cây bạch đàn do ông V trồng vẫn còn nguyên không có dấu hiệu nghiêng, ngã và từ hàng cây bạch đàn trở xuống mé mương cỏ vẫn mọc bình thường. Hơn nữa ông V không có chứng cứ chứng minh đất, cát bị sạt lở có khối lượng là 24m<sup>3</sup> đất giá là 2.500.000đ/m<sup>3</sup> và 30m<sup>3</sup> cát giá là 200.000đồng/m<sup>3</sup>, ông V chỉ ước lượng nên không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông V không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đất của ông V bị sạt lở xuống mương của bà Th 24m<sup>3</sup> đất giá là 2.500.000đ/m<sup>3</sup> và 30m<sup>3</sup> cát giá là 200.000đồng/m<sup>3</sup> cũng như tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của ông là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy ông V không chứng minh được bà Th có lỗi trong vụ kiện này cũng như không chứng minh được lỗi của bà Th vét mương làm đất, cát của ông trôi xuống mương gây thiệt hại cho ông và thực tế ông cũng không chứng minh được có khối lượng đất, cát ông sạt lở xuống mương bà Th mà chỉ tự ông ước tính. Hơn nữa, ngày 20/5/2022 Tòa án sơ thẩm đã xem xét thẩm định tại chỗ không thể hiện được đất, cát của ông có sạt lở xuống mương. Ông là chủ sử dụng đất thì phải có nghĩa vụ bảo vệ hiện trạng đất của mình nếu có việc đất, cát của ông có sạt lở xuống mương do mưa lũ không thể đổ lỗi cho bà Th làm thiệt hại được.

Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đình V là có căn cứ và phù hợp chứng cứ trong hồ sơ cũng như thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa. Do đó kháng cáo của ông V không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Hoàng Đình V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng ông V là người cao tuổi theo quy định điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên được miễn tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, Điều 293 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 584 và 589 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Đình V.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53A/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đình V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ Th bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền là 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng).

2. Chi phí tố tụng khác: Ông Hoàng Đình V phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.500.000 đồng, ông V đã nộp và đã chi xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

Ông Hoàng Đình V được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh,
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Trung Thành**